

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1488/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Xuân H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 156A, tổ 5, khu phố 4, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 156A, tổ 5, khu phố 4, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H và bà Th vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Dương Xuân H trình bày:

Năm 2005, ông và bà Trần Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005, Quyền I/2005 ngày 19/10/2005). Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm. Nguyên nhân, do quan điểm sống không hợp nhau, thường xảy ra xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 09/2016 đến nay bà Th đã bỏ nhà đi đâu không rõ, nên vào tháng 7/2019 ông đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Th mất tích, đã thông báo tìm kiếm bà Th trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng vẫn không có tin tức nào về bà Th, đến ngày 21/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã ra Quyết định số 03/2020/QĐST-VDS tuyên bố bà Th bị mất tích. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông H và bà Th có 02 con chung là Dương Trần Anh T, sinh ngày 17/11/2006 và Dương Ngọc Khánh H, sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay cháu T đang sống với ông và nguyện vọng của cháu T cũng muốn được ở với cha, nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn cháu H hiện nay theo mẹ ở đâu ông H không biết, nên ông đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Th, sinh năm 1985 tại nơi cư trú cuối cùng ở địa chỉ: số nhà 156A, tổ 5, khu phố 4, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Trần Thị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-VDS ngày 20/01/2020.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Xuân H được ly hôn với bà Trần Thị Th.

Về con chung: Giao con chung Dương Trần Anh T, sinh ngày 17/11/2006 cho ông Dương Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao con chung Dương Ngọc Khánh H, sinh ngày 10/01/2017 cho bà Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông H, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí HNGĐ-ST: Ông H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Dương Xuân H xin ly hôn với bà Trần Thị Th, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại: số nhà 156A, tổ 5, khu phố 4, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn Dương Xuân H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bà Trần Thị Th là bị đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005, Quyền I/2005 ngày 19/10/2005). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H trình bày, quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau, sau đó bà Th bỏ nhà đi đâu không rõ. Theo đơn yêu cầu của ông H, ngày 21/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã ra qua quyết định tuyên bố bà Th bị mất tích. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

Xét thấy, bà Trần Thị Th là người đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số

03/2020/QĐST-VDS ngày 21/01/2020 đã có hiệu lực thi hành. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, giải quyết cho ông H được ly hôn với bà Th để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Dương Trần Anh T, sinh ngày 17/11/2006 và Dương Ngọc Khánh H, sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay cháu T đang ở với ông H, qua việc thu thập lời khai của cháu T khi Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với cha, còn cháu Hưng theo mẹ đang ở đâu ông H không rõ, nên ông H đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy, chấp nhận giao con chung Dương Trần Anh T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Dương Ngọc Khánh H cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không yêu cầu, nên tạm thời cả ông H và bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H, bà Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông H, bà Th trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Nếu sau này bà Trần Thị Th trở về hoặc người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp sau này có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ về tài sản, nếu các bên có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Dương Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 131 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Dương Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Xuân H được ly hôn với bà Trần Thị Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Dương Trần Anh T, sinh ngày 17/11/2006 và Dương Ngọc Khánh H, sinh ngày 10/01/2017.

Giao con chung Dương Trần Anh T cho ông Dương Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao con chung Dương Ngọc Khánh H cho bà Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông H, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H, bà Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông H, bà Th trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Dương Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0009546 ngày 23/6/2020.

5. Ông Dương Xuân H và bà Trần Thị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (1);
- Dương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**

